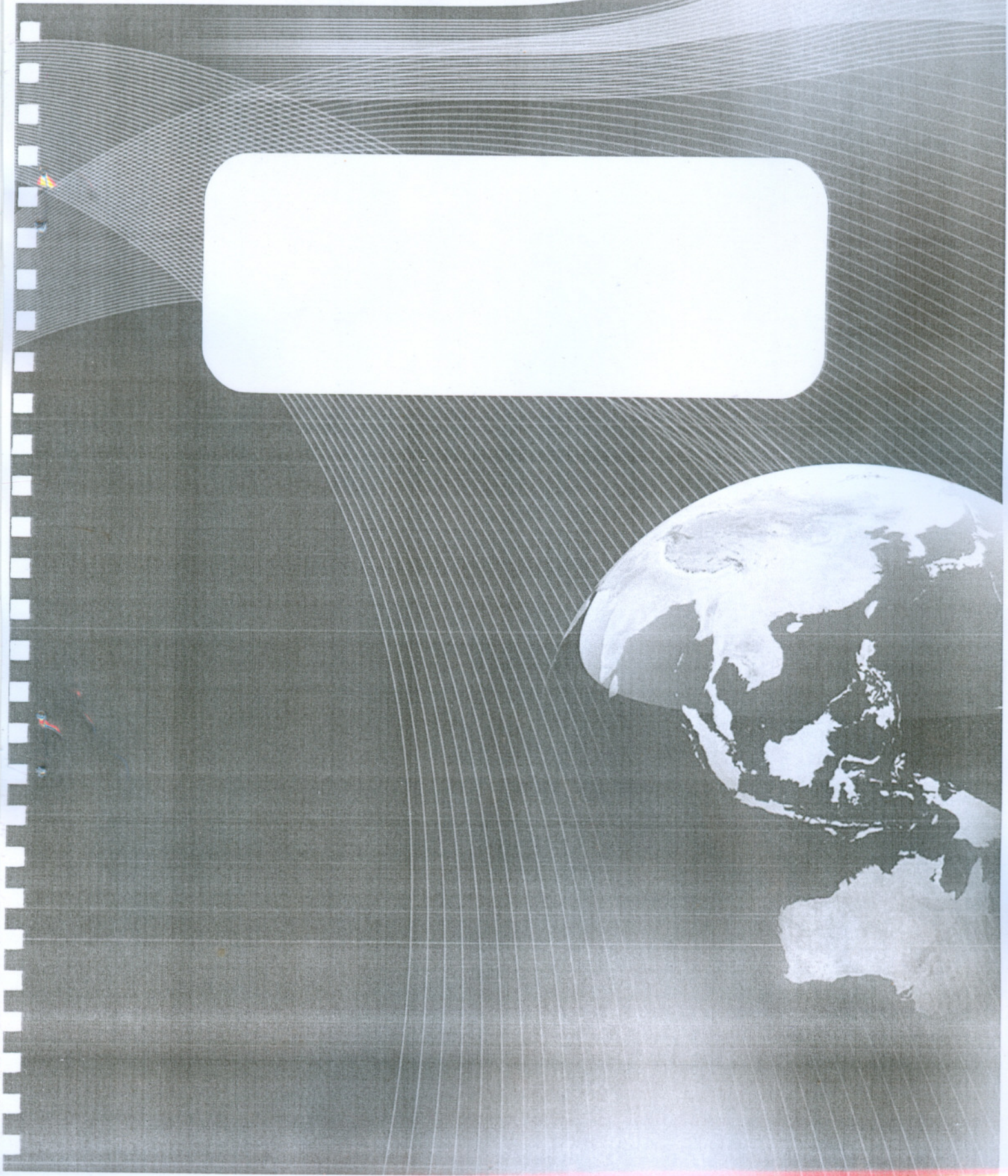
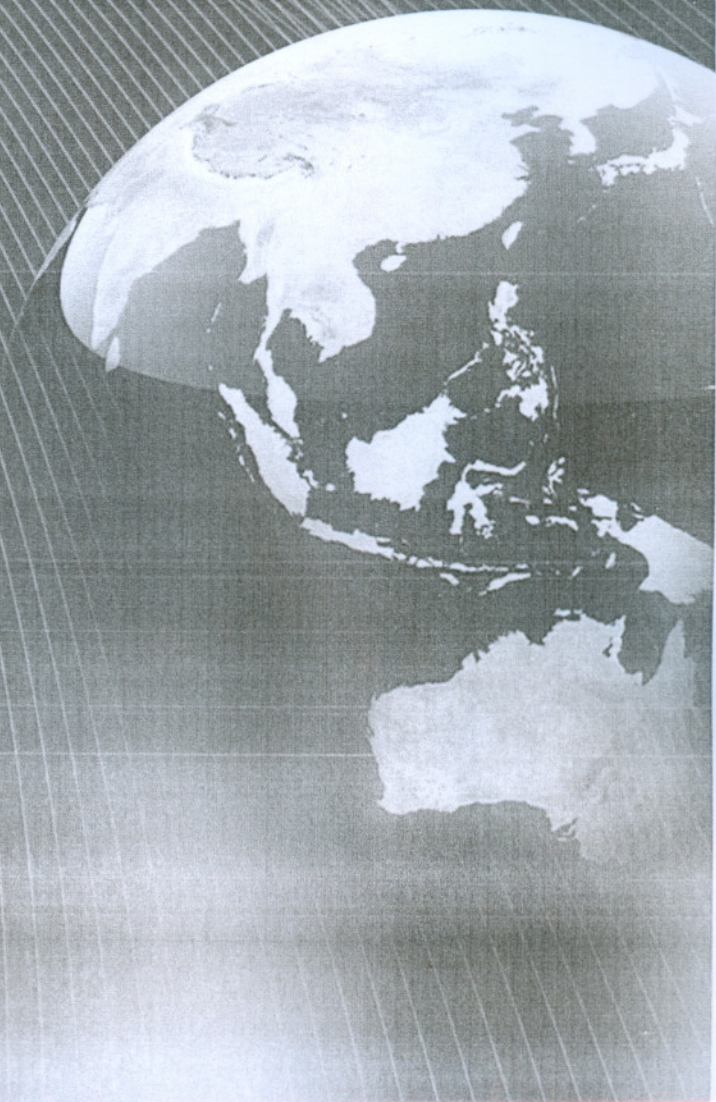
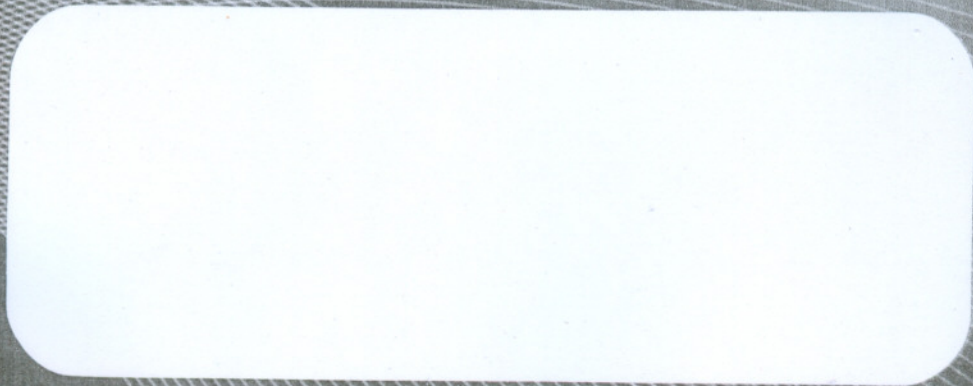




NEXIA ACPA
Auditing & Consulting



Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Phước	Chủ tịch	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Trương Quốc Hưng	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Xuân Tình	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Holland Patrick Thomas	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Tài	Trưởng ban	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông De Mecquenem Alexis	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên	Ngày 8 tháng 5 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	Ngày 8 tháng 5 năm 2009
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 8 tháng 5 năm 2009

2. Xác nhận của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 125-21-12

**Gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không thực hiện kiểm toán các nghiệp vụ và số dư, đã được cộng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 và cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày phát sinh tại Trung tâm Xuất khẩu Lao động – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam. Do đó, chúng tôi ngoại trừ các nghiệp vụ và số dư này và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của các vấn đề đã được đề cập ở các đoạn trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2013*

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		385.541.223.329	404.898.066.672
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	257.902.267.246	232.655.890.034
Tiền	111		50.751.561.744	35.834.048.688
Các khoản tương đương tiền	112		207.150.705.502	196.821.841.346
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		-	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.671.478.797	71.195.524.960
Phải thu khách hàng	131	30	74.671.732.913	57.631.559.718
Trả trước cho người bán	132		223.098.214	791.895.849
Phải thu nội bộ	133	30	8.059.270.589	10.108.793.003
Phải thu khác	135	4;30	16.102.570.043	11.511.661.528
Dự phòng phải thu khó đòi	139	5	(12.385.192.962)	(8.848.385.138)
Hàng tồn kho	140	6	39.080.164.105	89.549.060.124
Hàng tồn kho	141		39.080.164.105	89.549.060.124
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.887.313.181	1.497.591.554
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	193.119.846
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	378.719.529	365.932.059
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.508.593.652	938.539.649
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.399.292.088	743.241.136.585
Tài sản cố định	220		234.506.079.380	251.318.523.877
Tài sản cố định hữu hình	221	9	225.356.690.385	240.588.888.153
- Nguyên giá	222		313.138.763.527	318.734.597.076
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.782.073.142)	(78.145.708.923)
Tài sản cố định vô hình	227	2.1	5.202.345.000	5.202.345.000
- Nguyên giá	228		5.202.345.000	5.202.345.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.947.043.995	5.527.290.724
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		491.863.639.890	491.863.639.890
Đầu tư vào công ty con	251	11	7.788.724.000	7.788.724.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	482.515.545.251	482.515.545.251
Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.559.370.639	1.559.370.639
Tài sản dài hạn khác	260		29.572.818	58.972.818
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	-	32.400.000
Tài sản dài hạn khác	268		29.572.818	26.572.818
TỔNG TÀI SẢN	270		1.111.940.515.417	1.148.139.203.257

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	718.362.656.461	715.315.387.312
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	23	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	718.362.656.461	715.315.387.312
Giá vốn hàng bán	11	24;31	(695.636.766.194)	(664.507.758.192)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.725.890.267	50.807.629.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	37.988.633.901	29.554.998.014
Chi phí tài chính	22	26	(17.696.954.720)	(29.957.272.758)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	(19.655.017.686)	(25.755.384.811)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.362.551.762	24.649.969.565
Thu nhập khác	31	27	7.959.945.675	44.955.656.891
Chi phí khác	32	28	(3.680.287.490)	(4.627.400.792)
Lợi nhuận khác	40		4.279.658.185	40.328.256.099
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.642.209.947	64.978.225.664
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	(3.662.016.337)	(15.378.003.476)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	21	23.980.193.610	49.600.222.188
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	357	739

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHẠM QUANG MINH
Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



TRỊNH VĂN QUÝ
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



TRẦN QUỐC HƯNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		27.642.209.947	64.978.225.664
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02		16.894.213.785	17.780.867.438
Thay đổi các khoản dự phòng	03		3.536.807.824	1.243.529.725
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		92.455.315	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(2.137.298.977)	(40.195.677.343)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06		(37.846.518.969)	(29.554.521.014)
Chi phí lãi vay	07		17.403.964.020	29.462.772.948
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		25.585.832.945	43.715.197.418
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(19.609.654.524)	117.371.261.770
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		50.468.896.019	(47.204.516.235)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		14.099.586.792	(3.058.050.122)
Giảm chi phí trả trước	12		-	407.941.391
Tiền lãi vay đã trả	13		(16.509.964.020)	(29.462.772.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.223.483.262)	(5.619.270.379)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.580.246.729	468.918.348
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(455.695.755)	-
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		40.935.764.924	76.618.709.243
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.074.703.824)	(28.512.991.376)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.582.386.784	44.018.181.818
Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.846.518.969	33.441.556.014
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư	30		48.354.201.929	48.946.746.456
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		491.193.805.890	739.464.093.817
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(548.638.261.531)	(680.193.407.049)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.599.134.000)	(15.391.750.080)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40		(64.043.589.641)	43.878.936.688

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

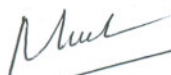
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	50		25.246.377.212	169.444.392.387
CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	3	232.655.890.034	63.211.497.647
CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	3	257.902.267.246	232.655.890.034

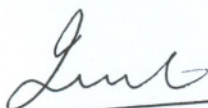
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHẠM QUANG MINH
Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt:



TRỊNH VĂN QUÝ
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



TRẦN QUỐC HƯNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 854/QĐ-TTg ngày 04/07/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng Công ty Đường sông Miền Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103013615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có các chi nhánh bao gồm:

- Trung tâm Xuất khẩu Lao động-chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam có trụ sở đặt tại số 2, ngõ 1 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thời Nhiệm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam tại Hà Nội có trụ sở đặt tại số nhà 03, Lô B, tổ 102, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam tại Đà Nẵng có trụ sở đặt tại số 79 Đống Đa, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm: Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường thủy nội địa. Vận tải hành khách bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường bộ theo hợp đồng trong nước và quốc tế. Vận tải hàng hóa bằng container, hàng siêu trường siêu trọng. Đại lý vận tải, hàng hóa đường bộ, đường thủy. Hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh bãi ICD, cảng cạn). Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy, đường bộ. Dịch vụ làm thủ tục hải quan (giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, khai thuê hải quan). Sản xuất sơn, véc ni, chất sơn quét tương tự, thùng và container. Đóng và sửa chữa tàu thuyền. Chuẩn bị mặt bằng (sản xuất, bến bãi, nhà xưởng). Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép. Sản xuất, lắp đặt phao tiêu, báo hiệu đường thủy và phao neo tàu. Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, thủy lợi. Xây dựng kết cấu công trình. Lắp đặt điện trong nhà. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, dầu nhờn. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước tinh khiết, nước khoáng), sắt thép, ống thép, kim loại màu, máy móc, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê (đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà). Thiết kế hệ thống máy tính. Bảo dưỡng và sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Dịch vụ tư vấn công trình dân dụng. Kinh doanh dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, lai dắt tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, vệ sinh tàu biển. Đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Dạy nghề ngắn hạn. Mua bán clinker trong và ngoài nước, máy móc thiết bị phụ tùng thay thế trong và ngoài nước. Mua bán mũ bảo hiểm, nước giải nhiệt động cơ. Mua bán than (không mua bán tại trụ sở chính công ty).

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 671.000.000.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Nhà nước	44.675.400	66,58%
Các cổ đông khác	22.424.600	33,42%
	67.100.000	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 427 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 521 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo tài chính theo qui định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác và các công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải trả nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả dài hạn khác, phải trả khác và dự phòng phải trả dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị văn phòng	4 - 8

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện Quyền sử dụng đất nhận dưới hình thức vốn góp của Nhà nước. Nguyên giá của Quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở giá trị tại thời điểm Công ty xác định giá trị để cổ phần hóa và được Nhà nước phê duyệt. Quyền sử dụng đất lâu dài nên Công ty không tính khấu hao.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng các công trình và nâng cấp máy móc thiết bị của Công ty chưa hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.12. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.13. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được hình thành khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong vòng 2 năm bắt đầu từ thời điểm Công ty cổ phần hóa chuyển sang Công ty cổ phần.

2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.16. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty.

2.21. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.22. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.23. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.24. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	608.972.078	2.910.194.822
Tiền gửi ngân hàng	50.142.589.666	32.923.853.866
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	207.150.705.502	196.821.841.346
	257.902.267.246	232.655.890.034

Toàn bộ số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh 15).

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ là 15.595 Đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2011: 949.190 Đô la Mỹ).

4. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu lương, bảo hiểm của thuyền viên từ các đại lý (*)	16.093.340.043	10.772.225.028
Chi phí đền bù đất Cảng Long Bình	-	223.406.500
Ký quỹ xuất khẩu lao động	-	500.000.000
Phải thu khác	9.230.000	16.030.000
	16.102.570.043	11.511.661.528

(*) Khoản phải thu này phát sinh tại Trung tâm Xuất khẩu lao động-Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam.

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	2012	2011
Số dư đầu năm	8.848.385.138	7.604.855.413
Tăng trong năm	3.556.807.824	3.650.695.674
Hoàn nhập dự phòng	(20.000.000)	(2.407.165.949)
Số dư cuối năm	12.385.192.962	8.848.385.138

6. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên liệu vật liệu	518.344.517	643.241.270
Công cụ dụng cụ	130.000	130.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	216.959.329	893.594.617
Hàng hóa	38.344.730.259	88.012.094.237
	39.080.164.105	89.549.060.124

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	277.971.593	287.202.837
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	-	41.491.497
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	29.477.594
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	67.176.439	7.760.131
Các loại thuế và phí khác	33.571.497	-
	378.719.529	365.932.059

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh các khoản tạm ứng cho người lao động.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	200.206.395.095	18.070.627.127	99.543.809.563	913.765.291	318.734.597.076
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	44.983.000	3.211.228.298	1.789.847.072	28.645.454	5.074.703.824
Thanh lý	-	(6.457.774.683)	(4.212.762.690)	-	(10.670.537.373)
Số dư cuối năm	200.251.378.095	14.824.080.742	97.120.893.945	942.410.745	313.138.763.527
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(34.940.444.910)	(10.655.277.990)	(31.760.491.258)	(789.494.765)	(78.145.708.923)
Hao mòn trong năm	(8.008.570.914)	(1.460.830.984)	(7.275.508.442)	(116.903.445)	(16.861.813.785)
Thanh lý	-	4.227.340.307	2.998.109.259	-	7.225.449.566
Số dư cuối năm	(42.949.015.824)	(7.888.768.667)	(36.037.890.441)	(906.398.210)	(87.782.073.142)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	165.265.950.185	7.415.349.137	67.783.318.305	124.270.526	240.588.888.153
Số dư cuối năm	157.302.362.271	6.935.312.075	61.083.003.504	36.012.535	225.356.690.385

Tòa nhà số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại xấp xỉ 4.047 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31 tháng 12 năm 2011: 4.153 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – sở giao dịch 1 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cho Công ty (xem Thuyết minh số 15).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 7.061 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31 tháng 12 năm 2011: 5.455 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012	2011
Số dư đầu năm	5.527.290.724	60.528.659.433
Tăng trong năm	5.074.703.824	28.512.991.376
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.074.703.824)	(83.514.360.085)
Chuyển sang chi phí	(1.580.246.729)	-
Số dư cuối năm	3.947.043.995	5.527.290.724

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Tỉ lệ vốn góp	VNĐ	Tỉ lệ vốn góp	VNĐ
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (*)	70%	4.410.648.000	70%	4.410.648.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (**)	51%	345.088.000	51%	345.088.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (***)	70%	3.032.988.000	70%	3.032.988.000
		7.788.724.000		7.788.724.000

(*) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 4103000067 ngày 15 tháng 10 năm 2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư số lượng 43.750 cổ phiếu, tương đương 70% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình.

(**) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303143409 ngày 5 tháng 5 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư số lượng 3.330 cổ phiếu, tương đương 51% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam.

(***) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1800278775 ngày 21 tháng 1 năm 2011 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ, Công ty đã đầu tư số lượng 30.088 cổ phiếu, tương đương 70% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ.

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Tỉ lệ vốn góp	VNĐ	Tỉ lệ vốn góp	VNĐ
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 (a)	37%	155.730.813.876	37%	155.730.813.876
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco (b)	16%	320.184.141.975	16%	320.184.141.975
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (c)	49%	3.561.349.400	49%	3.561.349.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Đường thủy Miền Nam (d)	26,27%	3.039.240.000	26,27%	3.039.240.000
		482.515.545.251		482.515.545.251

(a) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 996/GPĐC3 ngày 18 tháng 12 năm 1998 được cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty đã đầu tư 5.920.000 USD tương đương 37% vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1.

(b) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 626A,B,C,D,E/GPĐC2 ngày 7 tháng 7 năm 1999 được cấp bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty đã đầu tư 20.531.205 USD tương đương 16% vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Keppel Land Watco.

(c) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 2703000907 ngày 24 tháng 5 năm 2006 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, Công ty đã đầu tư số lượng 356.135 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747.

(d) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 4103002191 ngày 14 tháng 8 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu trong Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Đường thủy Miền Nam là 303.693 cổ phiếu, tỉ lệ góp vốn là 26,27%.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động và Dịch vụ vận tải thủy Miền Nam (*)	1.119.370.639	1.119.370.639
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sài Gòn Hiệp Phước (**)	440.000.000	440.000.000
	1.559.370.639	1.559.370.639

(*) Công ty nắm giữ 11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động và Dịch vụ vận tải thủy Miền Nam.

(**) Công ty đã đầu tư 44.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hiệp Phước.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Lợi thế kinh doanh	2012	2011
Số dư đầu năm	32.400.000	428.869.747
Phân bổ trong năm	(32.400.000)	(396.469.747)
Số dư cuối năm	-	32.400.000

15. Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay (a)	67.366.883.386	87.387.486.778
Khoản vay (b)	51.534.340.898	91.325.713.743
	118.901.224.284	178.713.200.521

- a) Khoản vay (a) từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)-Sở giao dịch 1 với hạn mức tín dụng 150 tỷ VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn hoàn trả tối đa của khoản vay là sáu tháng. Khoản vay chịu lãi suất thực tế từ 12% đến 16,5% một năm đối với khoản vay bằng VNĐ và 6,84% một năm đối với khoản vay bằng USD (2011: 17% một năm đối với khoản vay bằng VNĐ và 6,84% một năm đối với khoản vay bằng USD). Khoản vay được đảm bảo bởi tòa nhà số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng (xem Thuyết minh 3 và 9), phần còn lại, ngân hàng cho Công ty vay vốn không có đảm bảo bằng tài sản theo Quyết định số 20/EIB/HĐQT-03 ngày 27/08/2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam.
- b) Khoản vay (b) từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Nam Sài Gòn với hạn mức tín dụng 105 tỷ VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn hoàn trả tối đa của khoản vay là ba tháng. Khoản vay chịu lãi suất thực tế từ 12% đến 16% một năm đối với khoản vay bằng VNĐ (2011:17% một năm đối với khoản vay bằng VNĐ). Khoản vay được đảm bảo bởi toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác và các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế mà Công ty được thụ hưởng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Thuế xuất, nhập khẩu	168.618.281	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	507.807.289	11.069.274.214
Các loại thuế khác	40.654.833	19.309.725
	717.080.403	11.088.583.939

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu bao gồm chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Trung tâm Xuất khẩu lao động (*)	50.002.485.968	43.744.661.900
-Doanh thu chưa thực hiện	13.106.280.975	10.011.666.336
-Phải trả lương cho thuyền viên	36.896.204.993	33.732.995.564
Phải trả cổ tức	28.547.580.600	15.591.714.600
Lãi vay phải trả	1.338.688.374	-
Phải trả tiền thuê đất	7.550.000.000	-
Bảo hiểm y tế	122.683.630	188.842.771
Phải trả cho các đơn vị phụ thuộc	5.481.342.429	3.902.378.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.489.123.040	20.280.655.674
	115.531.904.041	83.708.253.016

(*) Các khoản phải trả này phát sinh tại Trung tâm Xuất khẩu Lao động - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam.

19. Phải trả dài hạn khác

Các khoản phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay (a)	47.846.900.000	47.902.275.544
Khoản vay (b)	2.750.000.000	262.500.000
	50.596.900.000	48.164.775.544

(a) Khoản vay dài hạn theo hiệp định phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài Chính và Tổng Công ty cổ phần đường sông Miền Nam về việc cho vay lại khoản vay theo Hiệp định số 2613-VIE và 2614-VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") tài trợ cho dự án cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị Công ty. Khoản vay này theo Hiệp định số 2613-VIE ("Khoản vay OCR") có hạn mức 2.467.000 USD để tái cơ cấu nợ và tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam. Lãi suất cho vay tính theo lãi suất Libor cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (hiện đang là 0,2% một năm). Phí cam kết là 0,15% một năm tính trên số dư chưa rút vốn tại từng thời điểm. Phí cho vay lại trả cho Bộ Tài Chính là 0,25% một năm trên số dư nợ gốc. Thời hạn của khoản vay là 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Khoản vay này sẽ được thanh toán trong 40 lần đều nhau 6 tháng một lần bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015.

(b) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng BIDV, mục đích để đầu tư 01 xe ô tô hiệu Isuzu trong 3 năm từ tháng 5 năm 2012. Khoản vay này sẽ được thanh toán trong 12 lần đều nhau 3 tháng một lần bắt đầu từ tháng 6 năm 2012. Trong năm, khoản vay chịu lãi suất 15% một năm (2011: 17,5%).

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	671.000.000.000	(13.222.593)	1.019.927.079	-	49.565.919.026	19.434.687.600	741.007.311.112
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	49.600.222.188	49.600.222.188
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.391.750.080)	(15.391.750.080)
Trích lập quỹ	-	-	1.943.468.760	-	-	(3.886.937.520)	(1.943.468.760)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	468.918.348	-	-	-	-	468.918.348
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	671.000.000.000	455.695.755	2.963.395.839	-	49.565.919.026	49.600.222.188	773.585.232.808
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	23.980.193.610	23.980.193.610
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(19.459.000.000)	(19.459.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	2.632.455.918	24.800.111.094	-	(29.503.933.312)	(2.071.366.300)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(154.800.000)	(154.800.000)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	(455.695.755)	-	-	-	-	(455.695.755)
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	366.909.931	366.909.931
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2012	671.000.000.000	-	5.595.851.757	24.800.111.094	49.565.919.026	24.829.592.417	775.791.474.294

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	67.100.000	671.000.000.000	67.100.000	671.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	67.100.000	671.000.000.000	67.100.000	671.000.000.000
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	67.100.000	671.000.000.000	67.100.000	671.000.000.000

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thuộc sở hữu của Nhà nước, chi tiết Quỹ này gồm có:

	VND
Quỹ sắp xếp cổ phần hóa tại Tổng Công ty	1.840.540.787
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản cấp cho Dự án Cảng Long Bình	47.725.378.239
	49.565.919.026

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên lợi nhuận tính cho các cổ đông là 23.980.193.610 VNĐ (2011: 49.600.222.188 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 67.100.000 cổ phiếu (2011: 67.100.000 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	2012	2011
Lãi thuần phân phối cho cổ đông phổ thông	23.980.193.610	49.600.222.188
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông	67.100.000	67.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357	739

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2012	2011
Doanh thu bán hàng hóa	605.161.752.965	585.181.499.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.112.848.118	127.272.396.131
Doanh thu xuất khẩu lao động (*)	4.088.055.378	2.861.491.693
	718.362.656.461	715.315.387.312

(*) Doanh thu xuất khẩu lao động phát sinh tại Trung tâm Xuất khẩu lao động-Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam.

24. Giá vốn hàng bán

	2012	2011
Giá vốn hàng hóa	580.196.146.535	557.993.613.044
Giá vốn cung cấp dịch vụ	111.655.004.163	103.912.515.464
Giá vốn xuất khẩu lao động (**)	3.785.615.496	2.601.629.684
	695.636.766.194	664.507.758.192

(**) Giá vốn xuất khẩu lao động phát sinh tại Trung tâm Xuất khẩu lao động-Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
Lãi tiền gửi	24.852.374.369	26.088.309.250
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.994.144.600	3.466.211.764
Khác	142.114.932	477.000
	37.988.633.901	29.554.998.014

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Chi phí tài chính

	2012	2011
Chi phí lãi vay	17.403.964.020	29.462.772.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.535.385	494.499.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.455.315	-
	17.696.954.720	29.957.272.758

27. Thu nhập khác

	2012	2011
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.582.386.784	44.018.181.818
Thu nhập từ xử lý tài sản thừa	569.696.359	368.016.150
Thu nhập khác	1.807.862.532	569.458.923
	7.959.945.675	44.955.656.891

28. Chi phí khác

	2012	2011
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.445.087.807	3.822.504.475
Chi phí khác	235.199.683	804.896.317
	3.680.287.490	4.627.400.792

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	2012	2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	3.662.016.337	15.378.003.476
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế TNDN	3.662.016.337	15.378.003.476

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đôi chiếu thuế suất thực tế

	2012		2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.642.209.947		64.978.225.664	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	6.910.552.487	25%	16.244.556.416	25%
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con, liên doanh, liên kết	(3.248.536.150)	(12%)	(866.552.940)	(1%)
	3.662.016.337	13%	15.378.003.476	24%

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2012	2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.038.000.000	928.000.000

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	2012	2011
Công ty Cổ phần xây lắp công trình	Công ty con	Cổ tức được chia	616.308.000	679.259.460
Công ty Cổ phần đóng mới và Sửa chữa phương tiện thủy Cần Thơ	Công ty con	Cổ tức được chia	120.349.600	421.232.000
Công ty cổ phần dịch vụ xây dựng và cơ khí đường thủy Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	283.050.000	268.065.000
Công ty Liên Doanh Keppel Land Watco	Công ty liên doanh	Cổ tức được chia	10.160.000.000	1.002.829.838
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	Công ty liên doanh	Cổ tức được chia	1.746.135.000	840.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	68.302.000	235.391.000

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu nội bộ có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu				
Công ty cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy Cần Thơ	Công ty con	Phải thu phi thương mại	355.208.264	355.208.264
Công ty Liên Doanh phát triển tiếp vận số 1 doanh	Công ty liên	Phải thu phi thương mại	-	2.112.965.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Phải thu phi thương mại	425.627.411	-
Công ty Cổ phần xây dựng công trình và thương mại 747	Công ty liên kết	Phải thu phi thương mại	6.463.918.325	6.390.826.004

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con và các công ty liên kết, không cần đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

31. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm như sau:

	2012	2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	555.810.126.324	532.330.807.196
Chi phí nguyên vật liệu	13.957.006.831	19.672.585.040
Chi phí công nhân viên	44.373.749.099	44.604.422.474
Chi phí khấu hao	16.894.213.785	17.780.867.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.0369.784.728	70.946.901.207
Chi phí khác	3.846.913.413	4.927.559.648

32. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Tài sản tài chính	USD	USD
Tiền	15.595	949.190
Đầu tư dài hạn	26.451.205	26.451.205
	26.466.800	27.400.395
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.300.000	2.663.020

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản vay	118.901.224.284	-	50.596.900.000	169.498.124.284
Phải trả người bán	14.125.195.894	-	-	14.125.195.894
Người mua trả tiền trước	620.178.616	-	-	620.178.616
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	717.080.403	-	-	717.080.403
Phải trả người lao động	13.914.776.987	-	-	13.914.776.987
Chi phí phải trả	6.023.415.047	-	-	6.023.415.047
Phải trả nội bộ	510.603.004	-	-	510.603.004
Các khoản phải trả khác	115.531.904.041	954.054.050	-	116.485.958.091
Dự phòng phải trả dài hạn	-	120.536.269	-	120.536.269
	270.344.378.276	1.074.590.319	50.596.900.000	322.015.868.595
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay	178.713.200.521	262.500.000	47.902.275.544	226.877.976.065
Phải trả người bán	17.787.913.231	-	-	17.787.913.231
Người mua trả tiền trước	176.266.594	-	-	176.266.594
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	11.088.583.939	-	-	11.088.583.939
Phải trả người lao động	11.629.120.398	-	-	11.629.120.398
Chi phí phải trả	6.904.919.104	-	-	6.904.919.104
Phải trả nội bộ	560.077.661	-	-	560.077.661
Các khoản phải trả khác	83.708.253.016	664.054.050	-	84.372.307.066
Dự phòng phải trả dài hạn	-	326.785.609	-	326.785.609
	310.568.334.464	1.253.339.659	47.902.275.544	359.723.949.667

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

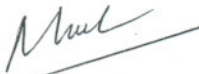
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2012				
Các khoản tương đương tiền	207.150.705.502	-	-	207.150.705.502
Phải thu khách hàng	62.286.539.951	-	-	62.286.539.951
Trả trước cho người bán	223.098.214	-	-	223.098.214
Phải thu nội bộ	8.059.270.589	-	-	8.059.270.589
Phải thu khác	9.230.000	16.093.340.043	-	16.102.570.043
Tài sản ngắn hạn khác	1.887.313.181	-	-	1.887.313.181
Đầu tư dài hạn	-	-	491.863.639.890	491.863.639.890
	279.616.157.437	16.093.340.043	491.863.639.890	787.573.137.370
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản tương đương tiền	206.821.841.346	-	-	206.821.841.346
Phải thu khách hàng	48.783.174.580	-	-	48.783.174.580
Trả trước cho người bán	791.895.849	-	-	791.895.849
Phải thu nội bộ	10.108.793.003	-	-	10.108.793.003
Phải thu khác	-	11.511.661.528	-	11.511.661.528
Tài sản ngắn hạn khác	1.497.591.554	-	-	1.497.591.554
Đầu tư dài hạn	-	-	491.863.639.890	491.863.639.890
	268.003.296.332	11.511.661.528	491.863.639.890	771.378.597.750

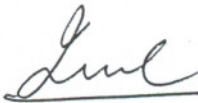
Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Người lập:



PHẠM QUANG MINH
Kế toán tổng hợp


Người phê duyệt:



TRỊNH VĂN QUÝ
Kế toán trưởng



Người phê duyệt:



TRẦN QUỐC HƯNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2013